

# NHẬN DIỆN NHỮNG NHÂN TỐ LÀM ẢNH HƯỞNG ĐẾN SỰ HÀI LÒNG CỦA CÁC DOANH NGHIỆP FDI Ở VIỆT NAM THỜI GIAN QUA

NGUYỄN HOÀNG ANH<sup>(\*)</sup>

Sau 25 năm từ khi có Luật Đầu tư nước ngoài, tính đến hết tháng 2/2013, Việt Nam đã thu hút được 14.550 dự án còn hiệu lực, tổng vốn đăng ký đạt gần 211 tỷ USD, vốn thực hiện đạt gần 100 tỷ USD. FDI đã đóng góp tích cực vào tăng trưởng, tỷ trọng đóng góp vào GDP tăng dần theo từng năm và đã đạt khoảng 19% vào năm 2011. Đây cũng là nguồn vốn quan trọng bổ sung cho nền kinh tế (hiện chiếm khoảng 25% tổng vốn đầu tư xã hội), khơi dậy và nâng cao hiệu quả sử dụng các nguồn lực trong nước; gia tăng kim ngạch xuất khẩu (chiếm khoảng 64% tổng kim ngạch xuất khẩu năm 2012), góp phần mở rộng thị trường quốc tế, bên cạnh thị trường truyền thống, thay đổi cơ cấu hàng xuất khẩu theo hướng tăng dần tỷ trọng hàng chế biến; đóng góp đáng kể vào nguồn thu ngân sách (14,2 tỷ USD trong giai đoạn 2001-2010, riêng năm 2012 đóng góp khoảng 3,7 tỷ USD) (Xem: Phương Anh, 2013).

Trong thời điểm kinh tế toàn cầu chưa hồi phục, kinh tế Việt Nam còn gặp nhiều khó khăn, việc tiếp tục thu hút FDI có ý nghĩa rất quan trọng với việc triển vọng phát triển của kinh tế Việt Nam. Tuy nhiên, thời gian qua môi

trường kinh doanh Việt Nam đã bộc lộ một số thiếu sót nghiêm trọng, làm nhiều nhà đầu tư e ngại khi thâm nhập thị trường này. Nhiều cuộc khảo sát về mức độ hài lòng của doanh nghiệp FDI với môi trường kinh doanh Việt Nam đã được thực hiện. Trên cơ sở tổng hợp và phân tích dữ liệu từ các cuộc khảo sát đó của một số tổ chức trong nước và quốc tế<sup>(\*\*)</sup>, đồng thời phỏng vấn một số đại diện tập đoàn quốc tế đang hoạt động ở Việt Nam<sup>(\*\*\*)</sup>, trong bài viết này, chúng tôi cố gắng tổng kết và rút ra những vấn đề mà các nhà đầu tư nước

---

<sup>(\*)</sup> PGS. TS., Giám đốc Trung tâm Hợp tác châu Á - Thái Bình Dương, trường Đại học Ngoại thương.

<sup>(\*\*)</sup> Số liệu từ các cuộc điều tra doanh nghiệp của Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam (VCCI) năm 2012 và Phòng Thương mại châu Âu tại Việt Nam (EUROCHAM) năm 2013; Khảo sát về Chính phủ điện tử của Tập đoàn Dữ liệu Quốc tế (IDG) 2013; Báo cáo PCI 2012-2013 của USAIDS/VNCI-VCCI, Khảo sát Doanh nghiệp Nhật Bản của JETRO 2012; Báo cáo của Sở Kế hoạch - Đầu tư Hà Nội về Đẩy mạnh thu hút FDI từ Nhật Bản trên địa bàn thành phố Hà Nội giai đoạn 2012-2015.

<sup>(\*\*\*)</sup> Bốn tập đoàn của các nước Mỹ, EU và Hàn Quốc - Những người khảo sát yêu cầu không công khai thông tin nên bài viết xin được giấu tên doanh nghiệp và chỉ nêu ý kiến đại diện cho công ty.

ngoài ở Việt Nam gặp phải, qua đó đưa ra một số kiến nghị bước đầu để hoàn thiện môi trường kinh doanh nhằm thu hút các nhà đầu tư nước ngoài tiếp tục quan tâm đến thị trường Việt Nam.

### 1. Vương mắc về thủ tục hành chính

Theo kết quả khảo sát của VCCI năm 2011 trên 1.970 doanh nghiệp FDI từ 45 quốc gia đang hoạt động tại Việt Nam, năm 2011 có 866 doanh nghiệp coi chính sách của Nhà nước và năng lực quản lý của chính quyền cấp địa phương là yếu tố ảnh hưởng lớn nhất đến hiệu quả kinh doanh. Yếu tố đầu tiên được xem có thiên hướng cải thiện (nhưng vẫn giữ con số “trên trời”) là *thời gian gia nhập thị trường*. Năm 2009, các doanh nghiệp FDI cần 2 tháng để chính thức tham gia thị trường, hiện chỉ còn 43 ngày - vẫn là con số cao. Tỉnh Bình Dương được coi là tỉnh có thời gian thấp nhất, cũng giữ ở mức 33 ngày.

Ở khía cạnh *quyền sở hữu tài sản*, chỉ có 20% doanh nghiệp FDI có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Năm 2010, con số này là 33%, giảm 13% chỉ trong vòng 1 năm. Thời gian chờ đợi xin cấp giấy phép sử dụng đất cũng không được cải thiện. Kết quả khảo sát trên cho thấy, nhà đầu tư hiện nay phải chờ trung bình 143 ngày để được cấp giấy phép.

Theo báo cáo này, khả năng doanh nghiệp được tiếp cận các tài liệu, như kế hoạch về các dự án cơ sở hạ tầng hoặc quy hoạch sử dụng đất,..., vẫn chưa được cải thiện. Thậm chí trong năm qua, khả năng tiếp cận văn bản quy phạm pháp luật như luật, pháp lệnh... của Trung ương và văn bản pháp luật cấp tỉnh sụt giảm từ điểm trung bình 3,1 điểm xuống còn 2,9/5 điểm.

Một mối quan tâm nữa với doanh nghiệp FDI là *thời gian chờ thủ tục*

*thông quan khi xuất - nhập hàng hóa*. Theo nhận định của các doanh nghiệp Nhật Bản trong các cuộc khảo sát năm 2012 của JETRO: 53,9% doanh nghiệp được hỏi gặp khó khăn trong việc làm các thủ tục hải quan. So với năm 2011, thời gian chờ thực hiện thủ tục thông quan đã tăng nhẹ, từ nửa ngày để thực hiện thủ tục thông quan với hàng hóa nhập khẩu lên 0,7 ngày. Hai thành phố lớn nhất đất nước là Hà Nội và Tp. Hồ Chí Minh đều chậm chạp và gây tốn kém cho doanh nghiệp ở thủ tục thông quan xuất - nhập (JETRO, 2012).

Một yếu tố nữa mà các doanh nghiệp FDI tỏ thái độ chưa hài lòng chính là thái độ của chính quyền tỉnh. Theo khảo sát của VCCI, hiện nay số doanh nghiệp FDI cho rằng cán bộ địa phương ưu đãi doanh nghiệp nước ngoài trong các quyết định kinh tế đã giảm đi rất nhiều, từ 59,6% trong năm 2010 so với 2012 là 33% (VCCI, 2012; Đức Chính, 2012). Ngay ở Hà Nội, doanh nghiệp đánh giá chỉ số về chi phí thời gian thực hiện các quy định của Nhà nước giảm từ 5,47 điểm xuống 4,75 điểm. Có đến 54% doanh nghiệp được hỏi cho rằng không có bất kỳ sự thay đổi nào sau khi thực hiện cải cách hành chính. Chỉ số về tính năng động và tiên phong của lãnh đạo Thành phố cũng giảm 7 bậc so với năm 2011 (từ xếp hạng 54 xuống 61), chỉ có khoảng 35% doanh nghiệp được hỏi đồng ý với nhận định rằng Thành phố có sáng tạo trong việc giải quyết những vướng mắc đối với cộng đồng doanh nghiệp (VCCI, 2012).

Năm 2013, tình hình cũng không khả quan hơn. Theo cuộc khảo sát mới nhất của EUROCHAM tại Việt Nam, các doanh nghiệp FDI ngày càng quan ngại hơn về môi trường đầu tư, nhất là *lạm phát và triển vọng kinh tế vĩ mô của Việt*

*Nam.* Theo họ, Việt Nam cần cải thiện nhiều hơn dịch vụ logistics<sup>(\*)</sup>, cơ sở hạ tầng, giao thông vận tải. Ngoài ra, thủ tục hải quan hành chính, hải quan điện tử trùng lặp tại nhiều đơn vị cũng gây mất thời gian cho doanh nghiệp (EUROCHAM, 2013). Ông Paik In Ki - Trưởng Ban hỗ trợ kinh doanh thuộc Hiệp hội Doanh nghiệp Hàn Quốc cũng đưa ra nhận định: Luật Đầu tư, Luật Lao động, Luật Thuế tại Việt Nam thay đổi nhiều đã khiến nhiều doanh nghiệp Hàn Quốc ngừng đầu tư mới hoặc phải thu hẹp sản xuất (H.Nguyên, 2013).

Để giải quyết những vướng mắc trong thủ tục hành chính, thời gian qua Việt Nam đã đưa vào sử dụng dịch vụ công trực tuyến, bước đầu đã thu được một số kết quả khả quan, theo khảo sát công bố tại Hội thảo quốc gia về Chính phủ điện tử 2013 mà Tập đoàn Dữ liệu Quốc tế (IDG) đã tiến hành đối với hơn 2.500 doanh nghiệp có vốn FDI thuộc năm ngành nghề tiêu biểu: Công nghiệp/ Sản xuất, Nông nghiệp, Dịch vụ, Tài chính, Ngân hàng - Bảo hiểm (IDG, 2013), 55% doanh nghiệp FDI mong muốn sử dụng dịch vụ công trực tuyến thay cho giao dịch truyền thống. Kết quả khảo sát cho thấy, tuy việc sử dụng dịch vụ công trực tuyến có ưu thế vì tính thuận tiện, tiết kiệm thời gian, chi phí và sự minh bạch so với giao dịch truyền thống, song tỷ lệ sử dụng các hình thức giao dịch trực tuyến (email,

internet) chỉ chiếm 31%; các giao dịch với cơ quan nhà nước vẫn đang được thực hiện thông qua kênh truyền thống (chiếm 51%). Nhưng trong các giao dịch này, 51% là với cấp huyện, 33% tại cấp phường xã, chỉ có 8% là với chính quyền trung ương. Cũng theo kết quả khảo sát, trong các dịch vụ công, các thủ tục về thuế được coi là phổ biến và thuận tiện nhất (43% doanh nghiệp sử dụng với chỉ khoảng 10 phút để khai thuế). Thế nhưng để thực hiện được dịch vụ này, các doanh nghiệp phải sử dụng dịch vụ trung gian để khai thuế. Nếu không sử dụng dịch vụ trung gian thời gian khai thuế sẽ mất khoảng 30 phút.

Ông Lê Thanh Tâm, Tổng Giám đốc IDG chỉ rõ, một trong những điểm vướng trong quá trình các doanh nghiệp FDI nói riêng và các doanh nghiệp tại Việt Nam nói chung khi tham gia sử dụng dịch vụ công trực tuyến là các thủ tục pháp lý còn rườm rà, thiếu tính minh bạch. Để tăng cường thu hút các doanh nghiệp FDI, các cấp chính quyền địa phương cần chú trọng quan tâm, triển khai hiệu quả cải cách hành chính và cải thiện chất lượng dịch vụ công (Hà My, 2013).

## 2. Cơ sở hạ tầng chưa đạt yêu cầu

Các doanh nghiệp FDI ngày càng quan ngại hơn về môi trường đầu tư, nhất là lạm phát và triển vọng kinh tế vĩ mô của Việt Nam (EUROCHAM, 2012). Thông tin này cũng trùng với cuộc khảo sát năm 2012 của JETRO. Theo các nhà đầu tư Nhật Bản, so với nhiều quốc gia khác trong khu vực như Trung Quốc, Indonesia, Philippines, Malaysia... chất lượng cơ sở hạ tầng của Việt Nam kém hơn cả. Hệ thống đường giao thông chậm được xây dựng hiện đại gây ra tình trạng quá tải khi các phương tiện vận chuyển gia tăng nhanh

(\*) “Dịch vụ logistics là hoạt động thương mại, theo đó thương nhân tổ chức thực hiện một hoặc nhiều công việc bao gồm nhận hàng, vận chuyển, lưu kho, lưu bãi, làm thủ tục hải quan, các thủ tục giấy tờ khác, tư vấn khách hàng, đóng gói bao bì, ghi ký mã hiệu, giao hàng hoặc các dịch vụ khác có liên quan đến hàng hóa theo thỏa thuận với khách hàng để hưởng thù lao” (Luật Thương mại Việt Nam, 2005, Điều 5).

chóng. 80% ý kiến của doanh nghiệp cho biết họ chưa gặp khó khăn nhiều về cơ sở hạ tầng nói chung, bao gồm cả hạ tầng giao thông, hạ tầng kỹ thuật phục vụ dự án như hệ thống cấp nước, điện, xử lý nước thải, bưu chính viễn thông. Tuy nhiên, 20% doanh nghiệp phản ánh gặp nhiều khó khăn về cơ sở hạ tầng, cụ thể:

- Hạ tầng giao thông: kết cấu hạ tầng giao thông vận tải còn nhiều bất cập và yếu kém, thiếu một mạng lưới khung hoàn chỉnh, nhất là ở các thành phố lớn. Ở Hà Nội, tỷ lệ quỹ đất dành cho giao thông chưa đáp ứng được yêu cầu của một đô thị hiện đại. Mặt cắt ngang đường phần lớn là hẹp và có quá nhiều nút giao thông đồng mức. Phương tiện giao thông cá nhân tăng quá nhanh và thiếu hệ thống vận tải hành khách công cộng (hiện mới chỉ có loại hình xe buýt) dẫn đến tình trạng thường xuyên ùn tắc. Hệ thống bến, bãi, điểm đỗ xe cũng thiếu về số lượng, phân bố không đều và chưa hợp lý, chất lượng dịch vụ chưa cao.

- Nguồn cung cấp điện không ổn định, chất lượng điện thấp, việc cắt điện đột ngột, không có kế hoạch hoặc thông báo trước cho doanh nghiệp có giảm hơn năm 2011 nhưng vẫn thỉnh thoảng xảy ra, gây khó khăn nghiêm trọng cho doanh nghiệp.

- Khả năng cung cấp đất sạch và mặt bằng sản xuất, nhà xưởng phù hợp với nhu cầu của các doanh nghiệp tại Hà Nội hiện nay chưa đáp ứng được. Các khu công nghiệp tập trung đa số đã được lấp đầy, một số khu, cụm công nghiệp mới đang trong giai đoạn giải phóng mặt bằng hoặc chưa đầu tư xây dựng nên chưa đáp ứng được nhu cầu của nhà đầu tư. Các khu này không được thiết kế, xây dựng phù hợp với nhu cầu sản xuất, kinh doanh, thiếu các dịch

vụ đồng bộ kèm theo phục vụ cho các chuyên gia, đặc biệt những người đang sinh sống và làm việc tại các địa điểm này. Thêm vào đó khó khăn trong giải phóng mặt bằng tại Hà Nội cũng làm cho nhà đầu tư Nhật Bản lo ngại (Sở Kế hoạch - Đầu tư Hà Nội, 2013).

Trên toàn quốc, yêu cầu lựa chọn địa điểm phù hợp với quy hoạch là vấn đề khó khăn với các nhà đầu tư do hiện tại các nhà đầu tư không có thông tin về quy hoạch phân khu và quy hoạch ngành. Bên cạnh đó, các quy hoạch này cũng không chỉ rõ ra các địa điểm doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài có thể lựa chọn thực hiện dự án, đặc biệt là các dự án cung cấp dịch vụ.

- Logistic cũng là vấn đề đau đầu cho các doanh nghiệp nước ngoài. Theo đại diện một công ty vận chuyển quốc tế, để vận chuyển hàng hóa hiệu quả, họ cần cảng có mớn nước là 7m nhưng cảng Hải Phòng luôn bị bồi đắp, mỗi năm mớn nước lại giảm đi. Mặc dù Cục Hàng hải cam kết là sẽ nạo vét đảm bảo mớn nước 6,8m nhưng có lúc trong năm nay (2013), mớn nước chỉ còn 6,2m. Tình trạng này dẫn đến các công ty nước ngoài không đưa tàu lớn vào khai thác được, giảm hiệu quả kinh doanh vận tải. Ngược lại, các doanh nghiệp sản xuất cũng không thể tăng sản lượng xuất nhập khẩu như mong muốn. Ở miền Nam điều kiện cảng biển có khá hơn nhưng thủ tục đăng ký cũng rất phức tạp. Các quy định của Cục Hàng hải chưa tương thích với các quy định quốc tế<sup>(\*)</sup>. Sự yếu kém của cảng biển không chỉ ảnh hưởng đến các doanh nghiệp

(\*) Tuần nào hãng này cũng có tàu đậu cảng Cái Mép nhưng thay vì cấp phép theo thời gian, Cục lại chỉ cấp theo chuyến, gây rất nhiều phiền hà cho doanh nghiệp.

vận tải mà cả các doanh nghiệp sản xuất, làm giảm hiệu quả kinh doanh của doanh nghiệp.

### **3. Lao động kém chất lượng và Luật Lao động còn nhiều bất cập**

Cũng theo kết quả khảo sát của VCCI năm 2012, chất lượng lao động tiếp tục là mối quan tâm lớn của các nhà đầu tư nước ngoài. Doanh nghiệp FDI nhận định giáo dục phổ thông và đào tạo nghề vẫn chưa được cải thiện trong thời gian qua. Trên phạm vi cả nước, 26% lao động của các doanh nghiệp FDI có bằng đại học và 44% đã qua đào tạo nghề. Theo các doanh nghiệp, chỉ có 72% số lao động có khả năng đọc, viết và hiểu hợp đồng lao động.

Do không hài lòng về chất lượng giáo dục phổ thông và đào tạo nghề, gần 40% số doanh nghiệp FDI cho biết cần đào tạo tại chỗ cho lao động của mình. Có một thực tế đáng buồn là chỉ có 66% lao động sau khi được đào tạo là ở lại làm việc cho doanh nghiệp. Nếu giáo dục phổ thông và đào tạo nghề có chất lượng tốt hơn, các công ty có thể cắt giảm chi phí đào tạo tại chỗ và giảm được giá thành sản phẩm.

Đánh giá tiêu cực về chất lượng lao động ảnh hưởng đến nguồn lực doanh nghiệp FDI dành cho đào tạo lao động. Các công ty nước ngoài chi khoảng 7,4% chi phí cho đào tạo lao động, trong khi tỉ lệ này là 5% của các công ty trong nước. Các doanh nghiệp trong lĩnh vực sản xuất và tài chính có chi phí đào tạo lao động cao nhất.

Các doanh nghiệp FDI đánh giá chất lượng lao động Việt Nam nằm trong nhóm 10% thấp nhất khu vực ASEAN. 1/4 doanh nghiệp cho rằng, lao động thiếu hiểu biết về công nghệ và khả năng sáng tạo, 1/5 doanh nghiệp

cho rằng lao động thiếu khả năng thích nghi với công nghệ mới và có tới 1/3 doanh nghiệp không tìm được lao động có kỹ năng họ cần (Goran O. Hultin, Nguyễn Huyền Lê, 2011). Kết quả này cũng gần giống với kết quả khảo sát do Viện Nghiên cứu Quản lý Kinh tế Trung ương (CIEM) phối hợp với Ngân hàng Thế giới (WB) thực hiện trên 350 công ty hoạt động trong lĩnh vực sản xuất và dịch vụ ở Hà Nội, Tp. Hồ Chí Minh và các tỉnh lân cận. Với thực trạng như vậy, lợi thế về chi phí công nhân thấp tại Việt Nam đang mất dần đi sức hấp dẫn đối với các nhà đầu tư nước ngoài (Sở Kế hoạch - Đầu tư Hà Nội, 2013).

Trái ngược với nhận định chung là chi phí lao động ở Việt Nam thấp, theo báo cáo của JETRO năm 2012, các nhà đầu tư Nhật Bản cho là chi phí lao động ở Việt Nam cao, dù nguồn nhân lực Việt Nam rất tiềm năng về số lượng, tuy nhiên, chưa đáp ứng về chất lượng và tính chuyên nghiệp. Các lao động phổ thông phần lớn chưa được hướng dẫn và đào tạo kỹ năng, thói quen làm việc trong môi trường công nghiệp, thiếu nghiêm trọng nhân lực có tay nghề trong các ngành công nghệ cao. Theo nhận định của các doanh nghiệp Nhật Bản, 60,5% doanh nghiệp gặp khó khăn về năng lực, ý thức của lao động địa phương và 54,7% gặp khó khăn trong tuyển dụng nhân lực địa phương vào các vai trò lãnh đạo doanh nghiệp (JETRO, 2012). Bên cạnh đó, đại diện của một công ty đa quốc gia của Đan Mạch cho biết “nhìn chung lao động Việt Nam trẻ, chịu học hỏi và dễ thích nghi với môi trường. Tuy nhiên, lại rất thiếu tính cởi mở, không dám nói ra ý của mình, hẹp hòi, không chấp nhận sự khác biệt. Điều này đã hạn chế hiệu quả công việc khi

làm việc ở doanh nghiệp nước ngoài và cản trở họ tiến xa hơn”. Đây cũng là lý do vì sao các doanh nghiệp FDI thường phải tuyển dụng lao động nước ngoài vào những vị trí cao cấp, làm tăng thêm chi phí hoạt động của doanh nghiệp.

Việc thay đổi Luật Lao động thời gian qua cũng gây nhiều khó khăn cho doanh nghiệp FDI. Bà Nguyễn Hải Thảo, Công ty quốc tế MIT Việt Nam chia sẻ: “Luật Lao động 2012 có sửa là: Riêng với hợp đồng lao động của người nước ngoài quy định rằng ít nhất là 2 năm, sau đó có thể ký tiếp thêm 2 năm nữa, đây là sự giảm so với luật cũ, luật cũ là 3 năm, và cũng không có quy định là ký bao nhiêu lần. Như vậy, nếu không có sửa đổi gì thêm thì chúng ta thấy tối đa chỉ được 4 năm thôi. Nếu bị bó buộc bởi quy định 2+2 như thế này thì chúng tôi không thể nào có được đội ngũ giảng viên ổn định, có chất lượng cao nhất đào tạo cho sinh viên Việt Nam”.

Phó Chủ tịch Hội doanh nghiệp của EUROCHAM - bà Nocola Connolly, cũng cho rằng, nhiều quy định mới trong Luật Lao động đã gây khó khăn cho các doanh nghiệp FDI. Cụ thể, Luật Lao động mới quy định thời gian làm việc của người lao động không quá 200 giờ/năm, trường hợp đặc biệt, doanh nghiệp có thể tăng nhưng không quá 300 giờ. Điều khoản này đã gây khó khăn cho doanh nghiệp khi phải thực hiện những đơn hàng gấp, những ngành nghề cần thời vụ. Theo bà Nocola Connolly, việc đào tạo công nhân có tay nghề cao rất tốn kém, vì thế việc làm thêm giờ có sự thỏa thuận của người lao động sẽ giúp tăng thu nhập cho họ và giúp doanh nghiệp không tốn phí đào tạo thêm lao động mới. Ngoài ra, việc tăng lương hàng năm cũng gây nhiều

khó khăn cho doanh nghiệp trong cân đối tài chính, không sử dụng được lao động giá rẻ.

#### 4. Tham nhũng quá phổ biến

Kể từ khi Tổ chức Minh bạch quốc tế (TI) đưa Việt Nam vào danh sách điều tra năm 2001, chỉ số nhận thức tham nhũng của Việt Nam luôn ở mức thấp (dưới 3/5 điểm) và liên tục tụt hạng. Năm 2012 Việt Nam đứng thứ 123 trong số 176 quốc gia và vùng lãnh thổ, tụt 11 bậc so với năm 2011 (TI, 2013). Tình trạng tham nhũng dẫn đến việc các nhà đầu tư gặp nhiều khó khăn khi làm việc ở Việt Nam.

Theo ý kiến của đại diện một công ty của Anh thì “có một việc rất rõ ràng là khi trao đổi với những người có trách nhiệm ở Việt Nam, việc nhấn mạnh tác dụng của dự án, của việc đầu tư cho lợi ích của đất nước thường là không có tác dụng nhiều” (Huệ Như, 2013). Nhiều công ty nước ngoài còn phàn nàn: “Ngay cả khi chấp nhận “lót tay” ở Việt Nam vẫn chưa chắc đã được việc... ví dụ như, Indonesia cũng có tham nhũng nhưng họ khá rõ ràng, mất chừng này tiền, gặp cửa này, chắc chắn anh được việc; còn ở Việt Nam, vẫn mất tiền, nhưng không bao giờ biết được rõ ràng liệu có kết quả hay không”.

Khảo sát ở 95 quốc gia trên thế giới của TI về nạn tham nhũng năm 2013 cho thấy, 30% dân Việt Nam đã phải dứt lốt nhân viên công quyền. 55% số người được hỏi cho rằng tham nhũng tăng lên. 38% số người tin rằng các nỗ lực của Chính phủ Việt Nam nhằm chống tham nhũng là không có hiệu quả (Tổ chức Minh bạch quốc tế, 2013). Điều này đã làm nhiều doanh nghiệp ngại ngần khi đầu tư vào Việt Nam.

## 5. Những vấn đề khác

Qua khảo sát, các doanh nghiệp FDI cũng phản nản về một số vấn đề khác trong môi trường kinh doanh Việt Nam:

- Hầu hết các doanh nghiệp FDI được hỏi đều phản nản về quy định trong mọi chứng từ phải niêm yết giá bằng VND. Theo họ phản ánh, thông lệ quốc tế là niêm yết giá bằng một ngoại tệ mạnh để thuận tiện trong giao dịch quốc tế và để thông suốt trong toàn bộ các chi nhánh của tập đoàn trên toàn thế giới. Việc thanh toán sẽ tuân theo quy định của quốc gia nước sở tại. Riêng ở Việt Nam, họ phải làm lại toàn bộ chứng từ, làm tốn kém thêm không ít chi phí và thời gian.

- Công nghiệp phụ trợ ở Việt Nam quá yếu kém. Các ngành phụ trợ quá yếu không hấp dẫn các công ty đa quốc gia đầu tư trực tiếp sản xuất tại Việt Nam. Trái với những lo ngại là doanh nghiệp FDI không muốn nâng tỷ lệ nội địa hóa, theo khảo sát của JETRO, “trên thực tế, phí tổn về linh kiện, bộ phận và các sản phẩm trung gian trong những sản phẩm thuộc các ngành sản xuất máy móc chiếm tới hơn 80% giá thành, lao động chỉ chiếm từ 5 đến 10%, do đó khả năng nội địa hoá có tính chất quyết định đến thành quả kinh doanh của doanh nghiệp. Từ thực tế này, có thể nói các công ty đa quốc gia chậm tăng tỷ lệ nội địa vì năng lực cung cấp trong nước quá kém không đáp ứng yêu cầu về chất lượng và giá thành”. Do đó, chừng nào các ngành phụ trợ sẵn có chưa được cải thiện đồng loạt và chừng nào nhiều doanh nghiệp nhỏ và vừa của nước ngoài chưa đến đầu tư ồ ạt thì doanh nghiệp FDI có thể sẽ chuyển cơ sở sản xuất sang các nước

ASEAN khác để tận dụng các ngành phụ trợ đã có tại đó.

Tình trạng này làm những doanh nghiệp sản xuất phản nản không chỉ về thiếu hụt bán thành phẩm mà cả về nguồn nguyên liệu không đầy đủ ở Việt Nam. Một doanh nghiệp FDI trong ngành đồ gỗ phản nản công tác trồng rừng ở Việt Nam quá kém, manh mún, chất lượng gỗ không đảm bảo. Nhà nước nói có chính sách ưu tiên phát triển khu nguyên liệu cho ngành gỗ xuất khẩu nhưng thực tế cho đến nay vẫn chưa có gì. Các ngành hàng nhựa, kim khí,... cũng trong tình trạng tương tự. Chính vì vậy, nguyên liệu sản xuất chủ yếu phải nhập từ nước ngoài, nhất là Trung Quốc nên chất lượng và giá cả không chủ động được, làm ảnh hưởng đến hiệu quả kinh doanh.

- Sự quá khác nhau giữa các miền Bắc, Trung, Nam đã dẫn tới việc tăng chi phí cho quảng cáo và rất khó thành công trên phương tiện thông tin đại chúng. Ví dụ, ở miền Bắc tỷ lệ công chúng xem VTV1 và VTV3 cao nên phải tập trung quảng cáo trên những kênh này, nhưng thị hiếu của công chúng ở miền Nam lại khác, họ xem kênh HTV. Bên cạnh đó là các chi phí Marketing khác nữa. Vì vậy, các doanh nghiệp FDI buộc phải có trụ sở ở nhiều vùng miền khác nhau, làm tăng chi phí hoạt động. Đặc biệt chi phí sinh hoạt, tiếp khách của Hà Nội quá đắt đỏ. Theo ông Park, Chủ tịch Hội đồng quản trị của một công ty Hàn Quốc thì “một ngày ở Hà Nội, tôi tiêu hết 100\$ nhưng một ngày ở Tp. Hồ Chí Minh tôi cũng sinh hoạt tương tự thì hết 30\$”. Nhưng những văn bản của Nhà nước vẫn cho là chi phí ở Tp. Hồ Chí Minh đắt đỏ hơn Hà Nội nên có những quy định chưa tương thích tình hình thực tế.

## 6. Triển vọng thu hút FDI của Việt Nam thời gian tới

Mặc dù có những nhân tố làm ảnh hưởng đến sự hài lòng của các doanh nghiệp FDI như đã nêu ở trên, nhưng có thể nói một trong những điểm sáng nhất của nền kinh tế Việt Nam đến thời điểm này là việc thu hút vốn FDI. Tính đến hết tháng 9/2013, Việt Nam đã thu hút được hơn 15.000 dự án đầu tư nước ngoài của 100 quốc gia và vùng lãnh thổ trên thế giới với tổng vốn đăng ký đạt 223 tỷ USD (Công Trí, 2013). Có được điều đó là do kinh tế vĩ mô đã ổn định hơn so với thời gian trước đó, lạm phát tiếp tục được giữ ở mức thấp, lãi suất giảm và hệ thống ngân hàng đã dần ổn định, khiến nhà đầu tư nước ngoài yên tâm hơn. Ngoài ra, thị trường tiềm năng với 90 triệu dân và thu nhập đang được cải thiện, sự gần gũi với các thị trường lớn như Trung Quốc,... cũng là những yếu tố thu hút vốn đầu tư dài hạn vào Việt Nam.

Mới đây, trong Báo cáo Năng lực cạnh tranh toàn cầu 2013-2014 của Diễn đàn Kinh tế Thế giới (WEF, 2013), Việt Nam đã tăng được 5 bậc trong bảng xếp hạng so với năm ngoài. Điều này phần nào cho thấy môi trường đầu tư của Việt Nam đã được cải thiện hơn trước. “Có một số lý do khiến đầu tư FDI tăng. Trong đó, có việc Việt Nam chuẩn bị gia nhập Hiệp định Đối tác xuyên Thái Bình Dương (TPP), khiến các công ty nước ngoài muốn đầu tư vào Việt Nam để đón đầu làn sóng này. Ngoài ra, chi phí sản xuất của Trung Quốc tăng lên cũng là lý do các nhà đầu tư muốn chuyển sản xuất sang các quốc gia lân cận, trong đó có Việt Nam” (Tô Lâm, 2013). Ngoài ra, Việt Nam cũng được hưởng lợi từ những chính sách của nước ngoài. Singapore, chẳng hạn, hiện đang khuyến khích đầu tư vào các lĩnh vực

dịch vụ như giáo dục, chăm sóc sức khỏe. Đây là lý do các doanh nghiệp sản xuất tại Singapore phải tăng cường tìm kiếm các quốc gia khác để đầu tư, trong đó có Việt Nam. Mới đây, Việt Nam và Singapore đã ký kết hiệp định đối tác chiến lược và mối quan hệ này được kỳ vọng có thể sẽ thúc đẩy mạnh hơn nữa dòng vốn đầu tư vào Việt Nam của các doanh nghiệp nước này.

Các doanh nghiệp FDI tại Việt Nam, do đặc thù sản xuất, quy mô còn nhỏ nên thường quan tâm tới chi phí sản xuất hơn các yếu tố khác, như chất lượng điều hành của lãnh đạo địa phương, sở hữu trí tuệ... Chính vì vậy, những cải thiện trong các vấn đề về ưu đãi thuế, đất đai, sự sẵn có của khu công nghiệp, nguồn nguyên liệu và dịch vụ trung gian có tác động tích cực đến quyết định đầu tư của khu vực doanh nghiệp này. Tính đến thời điểm này, việc thu hút FDI có thể xem là một thành công lớn của Việt Nam. Tuy nhiên, thách thức phía trước vẫn còn khá lớn, đặc biệt trong việc cải thiện cơ sở hạ tầng và nguồn nhân lực.

Có thể nói, hiện tại Việt Nam đang đứng trước nhiều điều kiện, cơ hội để có thể thu hút nguồn FDI. Tuy nhiên, nếu Việt Nam không tiếp tục cải thiện môi trường đầu tư thì dòng vốn đầu tư tiềm năng như phân tích ở trên sẽ dịch chuyển sang các thị trường lân cận như Indonesia, Myanmar, Lào và Campuchia. Bên cạnh đó, các cải cách cũng như chính sách điều hành vĩ mô của Chính phủ cũng góp phần không nhỏ trong hoạt động này □

## TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Phương Anh (2013), *FDI là một bộ phận cấu thành quan trọng của nền*

- kinh tế*, <http://www.kinhteivadubao.com.vn/dau-tu/fdi-la-mot-bo-phan-cau-thanh-quan-trong-cua-nen-kinh-te-27.html>, truy cập ngày 15/11/2013.
2. Đức Chính (2012), *Doanh nghiệp FDI “ngán” gì nhất khi đầu tư vào Việt Nam?*, <http://petrotimes.vn/news/vn/kinh-te/dien-dan-kinh-te/doanh-nghiep-fdi-ngan-gi-nhat-khi-dau-tu-vao-viet-nam.html>, truy cập ngày 15/11/2013.
  3. H. Nguyễn (2013), *Tăng hút vốn FDI cần cải thiện chất lượng dịch vụ công*, <http://www.nhandan.com.vn/kinhte/tin-tuc/item/21085702.html>, truy cập ngày 15/11/2013.
  4. Hà My (2013), *Doanh nghiệp FDI muốn cải thiện cung cấp dịch vụ công trực tuyến*, <http://www.sggp.org.vn/kinhte/2013/8/326779/>, truy cập ngày 15/11/2013.
  5. Huệ Như (2013), *Xúc tiến đầu tư tại chỗ - Giải pháp thu hút FDI*, <http://www.voh.com.vn/news/NewsDetail.aspx?id=62772>
  6. Sở Kế hoạch - Đầu tư Hà Nội (2013), “*Đẩy mạnh thu hút FDI từ Nhật bản trên địa bàn thành phố Hà Nội giai đoạn 2012 -2015*”.
  7. Tổ chức Minh bạch quốc tế (2013), *Phong vũ biểu tham nhũng toàn cầu 2013 - Quan điểm và trải nghiệm của người dân Việt Nam* (báo cáo tóm tắt).
  8. Công Trí (2013), *Vốn FDI vào Việt Nam qua những con số*, <http://baodientu.chinhphu.vn/Kinh-te/Von-FDI-vao-Viet-Nam-qua-nhung-con-so/182474.vgp>, truy cập ngày 15/11/2013.
  9. Tô Lâm (2013), *FDI vẫn sáng*, <http://diendandautu.vn/c1n2013091610231683440/fdi-van-sang.html>, truy cập ngày 15/11/2013.
  10. VCCI (2011), *Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh 2011: Đánh giá chất lượng điều hành kinh tế để thúc đẩy phát triển doanh nghiệp*, [http://pcivietnam.org/uploads/report/Bao%20cao%20PCI%202011\\_final.pdf](http://pcivietnam.org/uploads/report/Bao%20cao%20PCI%202011_final.pdf)
  11. VCCI, *Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh 2012: Đánh giá chất lượng điều hành kinh tế để thúc đẩy phát triển doanh nghiệp*, [http://www.pcivietnam.org/reports\\_home.php](http://www.pcivietnam.org/reports_home.php); [http://www.pcivietnam.org/uploads/report/Bao%20cao%20PCI%202012\\_VN.pdf](http://www.pcivietnam.org/uploads/report/Bao%20cao%20PCI%202012_VN.pdf), truy cập ngày 15/11/2013.
  12. EUROCHAM (2013), *Thông cáo báo chí: Kết quả khảo sát chỉ số kinh doanh của các doanh nghiệp châu Âu tại Việt Nam, Quý 4, 2013*, <http://tinnhanhchungkhoan.vn/GL/images/upload/File/06112013e722d3f04ce04b2bc177fdf81c8f411f.pdf>, truy cập ngày 15/11/2013.
  13. IDG (2013), *Chương trình khảo sát: Mức độ sử dụng và hài lòng đối với dịch vụ công trực tuyến dành cho doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài (100% vốn nước ngoài, Liên doanh, Liên kết, VPĐD, Các phòng Thương mại, Thương vụ...)*, [http://egov.org.vn/2013/index.php?option=com\\_content&view=article&id=235&Itemid=107&lang=vi](http://egov.org.vn/2013/index.php?option=com_content&view=article&id=235&Itemid=107&lang=vi)
  14. TS. Goran O. Hultin – Th.s Nguyễn Huyền Lê (2011), *Tình hình thiếu hụt lao động kỹ năng ở Việt Nam*, <http://socialwork.vn/2011/06/14/2215/>
  15. JETRO (2012), *The 21th Comparative Survey of Investment Related Costs in 31 Major Cities and Regions in Asia and Oceania (April 2011)* <http://www.jetro.go.jp/vietnam/topics/20120417509-topics/4.pdf>